

Krông Ana, ngày 15 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc nhận tiền hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP học kỳ II, năm học 2024-2025

Nhà trường thông báo đến Giáo viên chủ nhiệm; cha, mẹ học sinh và học sinh về việc nhận tiền hỗ trợ chi trả chế độ hỗ trợ học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 15/10/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo như sau:

1. Thời gian: từ ngày 17/11/2025 đến ngày 21/11/2025 (Trong giờ hành chính)

- Đối với học sinh lớp 12, năm học 2024-2025 đã ra trường, hoàn thành việc nhận chế độ trước ngày 30/12/2025 để giúp nhà trường quyết toán theo quy định.

- Đối với học sinh lớp 10, 11, năm học 2024-2025 (hiện nay đang học lớp 11, 12 năm học 2025-2026) nhận theo lịch có phụ lục kèm theo.

2. Địa điểm: Phòng Thư viện - Trường Trung học phổ thông Hùng Vương (gặp Cô Phan Thị Xuân).

3. Lưu ý khi đến nhận tiền hỗ trợ:

- Những học sinh chưa đầy đủ hồ sơ minh chứng được hỗ trợ chi phí học tập phải bổ sung đầy đủ hồ sơ (Đơn + Giấy chứng nhận Hộ nghèo/Giấy xác nhận thông tin cư trú);

- Đối với học sinh khi đến nhận: Mang theo Căn cước công dân;

- Đối với cha, mẹ học sinh khi đến nhận: Mang theo Căn cước công dân và Giấy tờ xác nhận thông tin về cư trú còn giá trị đúng quy định để đối chiếu;

- Ký, ghi rõ họ tên trong Danh sách nhận tiền;

- Kiểm tra tiền, giấy tờ tùy thân trước khi ra khỏi phòng nhận tiền.

Trên đây là Thông báo về việc nhận tiền hỗ trợ học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP học kỳ II, năm học 2024-2025 của Trường Trung học phổ thông Hùng Vương. Giáo viên chủ nhiệm thông báo đến học sinh và cha mẹ học sinh được biết và đến nhận/.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Phó hiệu trưởng;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- Đăng trang TTĐT;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Vương Xuân Hồng

**LỊCH NHẬN CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH
81/2021/NĐ-CP HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025**

(Ban hành kèm theo) Thông báo số 510/TB-HV, ngày 15/11/2025 của Trường
Trung học phổ thông Hùng Vương

STT	LỚP CŨ 2024-2025	LỚP MỚI 2025-2026	LỊCH NHẬN	GHI CHÚ
1	10A1	11A1	Thứ Hai, 17/11/2025	
2	10A2	11A2		
3	10A3	11A3		
4	10A4	11A4		
5	10A5	11A5		
6	10A6	11A6	Thứ Ba, 18/11/2025	
7	10A7	11A7		
8	10A8	11A8		
9	10A9	11A9		
10	10A10	11A10		
11	10A11	11A11	Thứ Tư 19/11/2025	
12	10A12	11A12		
13	11A1	12A1	Thứ Sáu 21/11/2025	
14	11A2	12A2		
15	11A3	12A3		
16	11A4	12A4		
17	11A5	12A5		
18	11A6	12A6	Thứ Bảy 22/11/2025	
19	11A7	12A7		
20	11A8	12A8		
21	11A9			
22	Khối 12 đã ra trường		Hoàn thành trước ngày 30/12/2025	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÙNG VƯƠNG

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP NĂM HỌC 2024-2025
HỌC KỲ II

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên HS được hỗ trợ chi phí học tập	Lớp	Con ông (bà)	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Chi tiết đối tượng	Ký nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng cộng			110	213.000.000		
A	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ			110	16.500.000		
1	Vũ Hoài Linh	10A5		5	750.000		
2	Nguyễn Thị Quỳnh Phúc	10A7		5	750.000		
3	Vũ Thị Hải Anh	10A8		5	750.000		
4	H' Đhoanh Bkrông	10A8		5	750.000		
5	H' Dục Ếđuôl	10A8		5	750.000		
6	Y- Asian Niê	10A8		5	750.000		
7	H Tiu Hdruê	10A9		5	750.000		
8	H - Linh Dêa Êban	10A9		5	750.000		
9	Bùi Thị Hoài Thương	10A10		5	750.000		
10	Nguyễn Minh Nhật	10A10		5	750.000		
11	H' Sen Bkrông	10A12		5	750.000		
12	Nguyễn Hoàng Gia	11A1		5	750.000		
13	Y Diệp Êđuôl	11A2		5	750.000		
14	Y Khim Êcăm	11A3		5	750.000		
15	H' Rian Êban	11A4		5	750.000		
16	Nguyễn Thị Cẩm Mỹ	11A5		5	750.000		
17	Y Yu - Let Êđuôl	11A7		5	750.000		
18	Y- Suel Knul	11A8		5	750.000		
19	Vũ Hà Bảo Nam	11A9		5	750.000		
20	Nguyễn Hoàng Thúy Nga	12A5		5	750.000		
21	Lê Thị Thu	12A6		5	750.000		
22	Lê Thị Mỹ Tinh	12A7		5	750.000		
B	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.			10	1.500.000		
1	Kiều Xuân Hên	10A3		5	750.000		
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	11A8		5	750.000		
C	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở GDTX theo chương trình GDPT ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III			1300	195.000.000		



1	Trần Tiến Thành	10A1		5	750.000		
2	Lê Chí Thành	10A1		5	750.000		
3	Lưu Thị Bảo Trân	10A1		5	750.000		
4	Nguyễn Thị Uyên Trang	10A1		5	750.000		
5	Đinh Thị Ánh Tuyết	10A1		5	750.000		
6	Phạm Hoài Bằng	10A1		5	750.000		
7	Tuấn Anh Ênuôi	10A1		5	750.000		
8	H' Truk Knul	10A2		5	750.000		
9	Đỗ Tiến Đạt	10A2		5	750.000		
10	Trần Quang Minh	10A2		5	750.000		
11	Đỗ Lê Ngọc Quyên	10A2		5	750.000		
12	Trịnh Ngọc Thương	10A2		5	750.000		
13	Nguyễn Phan Thành Vỹ	10A2		5	750.000		
14	Nguyễn Thùy Linh	10A2		5	750.000		
15	Văn Kim Hiếu Nhất	10A2		5	750.000		
16	Trần Thị Mỹ	10A2		5	750.000		
17	Trần Thị Bảo Yến	10A3		5	750.000		
18	H' Ria B'ya	10A3		5	750.000		
19	Trần Duy Phương	10A3		5	750.000		
20	Nguyễn Công Đăng Khoa	10A3		5	750.000		
21	Phạm Bảo Gia Hưng	10A3		5	750.000		
22	Y - Sač Knul	10A3		5	750.000		
23	H' Giô Na Bkrông	10A3		5	750.000		
24	Đoàn Thiên Nhi	10A3		5	750.000		
25	Đỗ Phạm Kiều Vy	10A3		5	750.000		
26	Phan Thị Kỳ Duyên	10A3		5	750.000		
27	Đinh Công Chính	10A4		5	750.000		
28	Trần Văn Anh	10A4		5	750.000		
29	Văn Thị Nhã Trúc	10A4		5	750.000		
30	H' Mrăng B.yă	10A4		5	750.000		
31	Lê Phi Líp	10A4		5	750.000		
32	Võ Thị Ngọc Trâm	10A4		5	750.000		
33	H' Nia - Byă	10A5		5	750.000		
34	Hồ Thị Thu Trúc	10A5		5	750.000		
35	Ngô Gia Bảo	10A5		5	750.000		
36	H' A Wi La Niê	10A5		5	750.000		
37	Nguyễn Đình Gia Vỹ	10A5		5	750.000		
38	Thân Tuấn Anh	10A5		5	750.000		
39	Nguyễn Đức Anh Vũ	10A5		5	750.000		
40	Cù Phạm Anh Thư	10A5		5	750.000		
41	Hoàng Thị Hương	10A6		5	750.000		
42	Đồng Diệu Ly	10A6		5	750.000		

43	Lê Thị Phương	10A6		5	750.000		
44	Nguyễn Thị Nhã Quyên	10A6		5	750.000		
45	Vương Thảo Vy	10A6		5	750.000		
46	H' Trang Niê	10A6		5	750.000		
47	Lê Anh Vân	10A6		5	750.000		
48	Lâm Thị Trà My	10A6		5	750.000		
49	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	10A7		5	750.000		
50	Nguyễn Ngọc Tú	10A7		5	750.000		
51	Lê Thị Phúc Quyên	10A7		5	750.000		
52	Nguyễn Lê Yến Nhi	10A7		5	750.000		
53	H - Lê Na Kmăñ Byă	10A7		5	750.000		
54	Nguyễn Ngọc Giao Minh	10A7		5	750.000		
55	Lê Đình Phương	10A7		5	750.000		
56	Nguyễn Thị Huyền Trang	10A7		5	750.000		
57	H La Sa Êban	10A7		5	750.000		
58	H - Sa Lan Êñuôl	10A7		5	750.000		
59	H' Radil Hđők	10A8		5	750.000		
60	H Ju Li Êban	10A8		5	750.000		
61	Nguyễn Văn Bảo	10A8		5	750.000		
62	H' Be Ri Hđők	10A8		5	750.000		
63	Y- Tin Byă	10A8		5	750.000		
64	H' Mê Ry Byă	10A8		5	750.000		
65	H' Dâu Knul	10A8		5	750.000		
66	Y - Bình Niê	10A8		5	750.000		
67	Y Kha Hmők	10A8		5	750.000		
68	H' Tuệ Hmők	10A8		5	750.000		
69	Y- Khim Knul	10A8		5	750.000		
70	H' Khê Byă	10A9		5	750.000		
71	H' Ngor Bkrông	10A9		5	750.000		
72	H' Hế Êban	10A9		5	750.000		
73	H' Wrot Bkrông	10A9		5	750.000		
74	H' Giñ Hmők	10A9		5	750.000		
75	H' Rô Bi Niê	10A9		5	750.000		
76	Trần Đắc Vũ Thịnh	10A9		5	750.000		
77	Lê Đức Cường	10A9		5	750.000		
78	H' Luôr Bkrông	10A10		5	750.000		
79	Đàm Nguyên Khang	10A10		5	750.000		
80	H' Yiem Bkrông	10A10		5	750.000		
81	H Nim Ênuôl	10A10		5	750.000		
82	H' Linh Đa Êcăm Niê	10A10		5	750.000		
83	H' Li Da Knul	10A10		5	750.000		
84	Y Tin Hmők	10A10		5	750.000		

85	Y Bảo Knul	10A10		5	750.000		
86	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10A10		5	750.000		
87	H' Nếp Êñuôl	10A11		5	750.000		
88	H' Ji Na Bkrông	10A11		5	750.000		
89	Y - Tân Buôn Krông	10A11		5	750.000		
90	H' Đem Knul	10A11		5	750.000		
91	Lê Viết Thiện	10A11		5	750.000		
92	H' Ngai Niê	10A11		5	750.000		
93	Y- Thức Knul	10A11		5	750.000		
94	Y- Tương Bkrông	10A11		5	750.000		
95	H' Dấu Êban	10A11		5	750.000		
96	Y- Hiều Knul	10A11		5	750.000		
97	H Răng Niê	10A11		5	750.000		
98	H' Sa Mau Byă	10A12		5	750.000		
99	Nguyễn Đức Tuấn	10A12		5	750.000		
100	Y Mikel Êñuôl	10A12		5	750.000		
101	Y - Sim Knul	10A12		5	750.000		
102	Y Hem Knul	10A12		5	750.000		
103	Y- Thau Niê	10A12		5	750.000		
104	Y Ngüm Niê	10A12		5	750.000		
105	Nguyễn Thị Hồng Hân	10A12		5	750.000		
106	Y Khen Êñuôl	10A12		5	750.000		
107	Nguyễn Thị Ngọc Mai	11A1		5	750.000		
108	Đỗ Nguyễn Khánh Ngọc	11A1		5	750.000		
109	Đặng Khánh Linh	11A1		5	750.000		
110	Lộ Đông Nhi	11A1		5	750.000		
111	Hồ Bảo Nam	11A2		5	750.000		
112	Đỗ Đình Thống	11A2		5	750.000		
113	Trần Anh Khoa	11A2		5	750.000		
114	Nguyễn Lê Trung Nguyên	11A2		5	750.000		
115	Y Luyện Hmők	11A2		5	750.000		
116	Bùi Thị Thanh Huyền	11A2		5	750.000		
117	Đinh Công Minh	11A2		5	750.000		
118	Nguyễn Thế Bảo	11A2		5	750.000		
119	Nguyễn Niê Thành Phú	11A2		5	750.000		
120	Lê Thị Mai	11A2		5	750.000		
121	Trần Anh Tuấn	11A2		5	750.000		
122	H' Thạch Êban	11A3		5	750.000		
123	H' Tha Ly Êčăm	11A3		5	750.000		
124	H' Iêm Knul	11A3		5	750.000		
125	Lương Ngọc Mỹ Anh	11A3		5	750.000		
126	H' Xuân Linh Êčăm	11A3		5	750.000		

127	H' Tra Knul	11A3		5	750.000		
128	Đình Xuân Đức	11A3		5	750.000		
129	Nguyễn Ngọc Hà Mí	11A3		5	750.000		
130	Phạm Thị Kiều Oanh	11A3		5	750.000		
131	Phạm Văn Hải Đăng	11A3		5	750.000		
132	Y Ghang Byă	11A4		5	750.000		
133	H' Nhuê Niê	11A4		5	750.000		
134	Nguyễn Huỳnh Bảo Linh	11A4		5	750.000		
135	Vũ Hồng Sơn	11A4		5	750.000		
136	Vũ Thị Ngân	11A4		5	750.000		
137	Y Thoal Buôn Yă	11A4		5	750.000		
138	H Tri Niê	11A4		5	750.000		
139	Nguyễn Thị Thanh Hằng	11A4		5	750.000		
140	H' Biê Hđók	11A5		5	750.000		
141	H Trâm Êcăm	11A5		5	750.000		
142	Hoàng Xuân Ngọc	11A5		5	750.000		
143	Trần Thị Huyền Trân	11A5		5	750.000		
144	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	11A5		5	750.000		
145	H' Thắc Adrông	11A6		5	750.000		
146	H' Mư Niê	11A6		5	750.000		
147	H' Jiê Niê	11A6		5	750.000		
148	H' Điêu Bkrông	11A6		5	750.000		
149	Đỗ Thị Tâm	11A6		5	750.000		
150	H' Nhung Knul	11A6		5	750.000		
151	H Bi Ra Bkrông	11A6		5	750.000		
152	H' Ôn Byă	11A7		5	750.000		
153	Y Quốc Niê Kdăm	11A7		5	750.000		
154	Nguyễn Phạm Quang Vinh	11A7		5	750.000		
155	Lê Văn Hoàng Thọ	11A7		5	750.000		
156	Nguyễn Thị Thùy Giang	11A7		5	750.000		
157	Phạm Thanh Tâm	11A7		5	750.000		
158	Y Khiêm Niê	11A7		5	750.000		
159	Bùi Cao Tiến	11A7		5	750.000		
160	H' Huyền Êban	11A7		5	750.000		
161	H' Boát Hđók	11A7		5	750.000		
162	Y Huim Ênuôl	11A7		5	750.000		
163	Tuyết Nhi - Buôn Yă	11A7		5	750.000		
164	H' Rô Da Adrông	11A8		5	750.000		
165	H' Wui Ênuôl	11A8		5	750.000		
166	H' Đot - Hđók	11A8		5	750.000		
167	Y - Apôlos Niê	11A8		5	750.000		
168	H' Yă Xuyên Êban	11A8		5	750.000		

169	H' Toai Êban	11A8		5	750.000		
170	Y - Dila Bkrông	11A8		5	750.000		
171	Y Thiam Knul	11A8		5	750.000		
172	Y - Luk Knul	11A8		5	750.000		
173	H Nhon Êban	11A9		5	750.000		
174	H' Canh Êñuôl	11A9		5	750.000		
175	H' Rê Juin Adrông	11A9		5	750.000		
176	H' Ngôn Byă	11A9		5	750.000		
177	H' Wia Êban	11A9		5	750.000		
178	H' Ân Byă	11A9		5	750.000		
179	Y Khai Knul	11A9		5	750.000		
180	Cao Minh Tú	11A9		5	750.000		
181	Y Teo Mlô	11A9		5	750.000		
182	Hà Thanh Đạt Adrông	11A9		5	750.000		
183	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11A9		5	750.000		
184	Y Khe ri Byă	11A9		5	750.000		
185	Nguyễn Thị Trà	12A1		5	750.000		
186	Phạm Quốc Trung	12A1		5	750.000		
187	Phan Quang Anh	12A1		5	750.000		
188	Đào Thị Trường Ka	12A1		5	750.000		
189	Hoàng Đức Mạnh	12A1		5	750.000		
190	Nguyễn Châu Long Nhật	12A1		5	750.000		
191	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	12A1		5	750.000		
192	Hoàng Thị Thanh Tâm	12A1		5	750.000		
193	Huỳnh Thạch Thảo	12A1		5	750.000		
194	Phạm Thị Phương Thúy	12A1		5	750.000		
195	Lê Ngọc Uyển Diễm	12A1		5	750.000		
196	Hà Thị Thùy Linh	12A2		5	750.000		
197	Phạm Ngọc Huy Hoàng	12A2		5	750.000		
198	Trần Thị Thu Phương	12A2		5	750.000		
199	Hồ Thị Thu Trang	12A2		5	750.000		
200	Võ Thị Thúy Uyên	12A2		5	750.000		
201	Vũ Thị Thu Hiền	12A2		5	750.000		
202	Nguyễn Văn Thuận	12A2		5	750.000		
203	Trần Thành Hoàng	12A2		5	750.000		
204	H'ôra-bya	12A2		5	750.000		
205	Vũ Thị Thanh Hằng	12A3		5	750.000		
206	Nguyễn Văn Tuấn	12A3		5	750.000		
207	Nguyễn Thị Quỳnh Trang Hm	12A3		5	750.000		
208	Phan Sỹ Nguyên	12A3		5	750.000		
209	Hà Đình Hoàng Sơn	12A3		5	750.000		
210	Đinh Đăng Thái	12A3		5	750.000		

211	H' Mi Ky Niê	12A4		5	750.000		
212	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12A4		5	750.000		
213	Phạm Thị Anh Thư	12A4		5	750.000		
214	Y- Truyền Byă	12A4		5	750.000		
215	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nguyên	12A4		5	750.000		
216	Nguyễn Tiến Đạt	12A4		5	750.000		
217	Phạm Đình Thiêm	12A4		5	750.000		
218	H' Khuyên Êban	12A5		5	750.000		
219	H Ngip Knul	12A5		5	750.000		
220	Nguyễn Thị Kim Huệ	12A5		5	750.000		
221	Nguyễn Trần Quỳnh Chi	12A5		5	750.000		
222	Nguyễn Thị Như Ý	12A5		5	750.000		
223	Y Khen Da Bkrông	12A5		5	750.000		
224	Vũ Văn Hoi	12A5		5	750.000		
225	Phạm Phương Thúy	12A5		5	750.000		
226	Nguyễn Thị Bảo Trân	12A5		5	750.000		
227	Y- Binh -hmök	12A6		5	750.000		
228	H Diêp Êñuôl	12A6		5	750.000		
229	H' Đăng Êcăm	12A6		5	750.000		
230	H- Xoan Knul	12A6		5	750.000		
231	H Lê Di Khang	12A6		5	750.000		
232	Y' Tiên Êñuôl	12A6		5	750.000		
233	Phạm Thị Huyền	12A6		5	750.000		
234	Trần Văn Thi	12A6		5	750.000		
235	Đặng Cẩm Tiên	12A6		5	750.000		
236	Y - Dhuôn Êban	12A6		5	750.000		
237	H' Doanh Adrông	12A6		5	750.000		
238	Đinh Đăng Nguyên	12A6		5	750.000		
239	H' Tuê Knul	12A6		5	750.000		
240	Nguyễn Trọng Ánh	12A6		5	750.000		
241	H' Sara Byă	12A7		5	750.000		
242	H' Tra Adrong	12A7		5	750.000		
243	H' Yô Na Knul	12A7		5	750.000		
244	H' Mash Niê	12A7		5	750.000		
245	Y Ru Ben Êñuôl	12A7		5	750.000		
246	H- On-byă	12A7		5	750.000		
247	Y - Kung Niê	12A7		5	750.000		
248	Nguyễn Thị Linh	12A7		5	750.000		
249	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12A8		5	750.000		
250	H - Lôi Êcăm	12A8		5	750.000		
251	H' Lin Đa Niê	12A8		5	750.000		
252	H' Sia Êñuôl	12A8		5	750.000		

253	H' Gôi Byă	12A8		5	750.000		
254	H' Nguyệt Knul	12A8		5	750.000		
255	Y- A- Môt - Ê Ban	12A8		5	750.000		
256	Phạm Văn Kiên	12A8		5	750.000		
257	H' Nguyễn Mlô	12A8		5	750.000		
258	Huỳnh Hậu	12A8		5	750.000		
259	Y Phila Niê Byă	12A8		5	750.000		
260	Vương Đình Hưng	12A8		5	750.000		

Kế toán

Khai

Văn Đức Hải

Krông An, ngày 11 tháng 11 năm 2025



Hiệu trưởng

Vương Xuân Hồng

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 11 năm 2025

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỞNG PHÒNG KH - TC

2

GIÁM ĐỐC
KÍ: GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Công Sáu

Trịnh Công Sáu



Lê Thị Kim Oanh